

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1608/TTTS-ĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2026

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026 (Hình thức đào tạo: Đại học hệ chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: YDS

3. Địa chỉ các trụ sở

Địa chỉ trụ sở chính: 217 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ 7 Trường/Khoa:

- Trường Y : 217 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, TP.HCM.
- Khoa Răng Hàm Mặt: 652 Nguyễn Trãi, Phường Chợ Lớn, TP.HCM.
- Khoa Y học cổ truyền: 221B Hoàng Văn Thụ, Phường Phú Nhuận, TP.HCM.
- Trường Dược : 41 Đinh Tiên Hoàng, Phường Sài Gòn, TP.HCM.
- Trường Điều dưỡng - KTYH: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, TP.HCM.
- Khoa Y tế công cộng: 159 Hưng Phú, Phường Chánh Hưng, TP.HCM.
- Khoa Khoa học cơ bản: 217 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, TP.HCM.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://ump.edu.vn>

Địa chỉ một số trang mạng xã hội của trường

<https://www.facebook.com/ump.edu.vn>

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin tuyển sinh

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/tuyen-sinh>

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/thong-bao>

<https://ump.edu.vn/tin-tuc-su-kien/thong-bao>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 028.39526076 – 028.38567645

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

Đường link công khai về hoạt động của trường

<https://ump.edu.vn/gioi-thieu/dam-bao-chat-luong>

Đường link công khai về chương trình đào tạo, ngành đào tạo

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/dao-tao>

Đường link công khai về chính sách học bổng

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/hoc-bong/trong-nuoc>

Đường link công khai Quy định về chế độ hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn đột xuất

<https://ump.edu.vn/tin-tuc-su-kien/thong-bao/quyet-dinh-3767qd-dhyd-ve-viec-ban-hanh-quy-dinh-ve-che-do-ho-tro-sv-kho-khan-dot-xuat-dang-hoc-tai-dai-hoc-y-duoc-thanh-pho-ho-chi-minh/4654>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển

- Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện dự tuyển

Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Đối với người dự tuyển là người khuyết tật ảnh hưởng khả năng học tập, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với năng lực và sức khỏe của thí sinh.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng 01 phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

Nhà trường **KHÔNG** sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT, THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển.

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào: Căn cứ ngưỡng đầu vào đối với ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ trưởng Bộ Y tế quy định; căn cứ yêu cầu đảm bảo chất lượng, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh xác định và công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào cho các chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh.

- Điểm trúng tuyển: là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào chương trình đào tạo, phù hợp với số lượng tuyển sinh đã công bố) có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn (không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm. Việc làm tròn điểm được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn toán học đến hàng phần trăm, sau khi cộng đầy đủ điểm ưu tiên và điểm khuyến khích (nếu có).

- Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh xác định độ lệch điểm theo hướng dẫn thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bảo đảm tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo;

4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Tổng số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026		Chính sách ưu tiên		Ghi chú
						Số lượng tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	Xét tuyển thẳng ^(*)	Dự bị đại học ^(**)	
1.	7310401	Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	60	59	A00, B00, D01	01	-	
2.	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	420	416	B00	04	-	
3.	7720110	Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	120	119	A00, B00, B08	01	-	
4.	7720115	Y học cổ truyền	7720115	Y học cổ truyền	231	226	B00, B08, D07	02	03	
5.	7720201	Dược học	7720201	Dược học	530	525	A00, B00, D07	05	-	
6.	7720202	Công nghệ dược phẩm	7720202	Công nghệ dược phẩm	60	59	A00, B00, D07	01	-	
7.	7720203	Hóa dược	7720203	Hóa dược	60	59	A00, B00, D07	01	-	
8.	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	250	242	A00, B00, D07	03	05	
9.	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	7720301	Điều dưỡng	120	116	A00, B00, D07	01	03	
10.	7720302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	120	118	A00, B00, D07	01	01	
11.	7720401	Dinh dưỡng	7720401	Dinh dưỡng	80	79	A00, B00, D07	01	-	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Tổng số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026		Chính sách ưu tiên		Ghi chú
						Số lượng tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	Xét tuyển thẳng ^(*)	Dự bị đại học ^(**)	
12.	7720501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	135	134	B00	01	-	
13.	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	40	38	A00, B00	01	01	
14.	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	170	163	A00, B00, D07	02	05	
15.	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	100	98	A00, B00, D07	01	01	
16.	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	100	96	A00, B00, D07	01	03	
17.	7720701	Y tế công cộng	7720701	Y tế công cộng	90	89	A00, B00, B08	01	-	
18.	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	60	59	A00, B00, D01	01	-	
Cộng					2746	2695		29	22	

Ghi chú:

(*), (**): Trong trường hợp xét tuyển thẳng và dự bị đại học không tuyển đủ chỉ tiêu, số lượng còn lại sẽ được chuyển sang và cộng vào số lượng tuyển sinh của phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn.

5.2. Điểm khuyến khích

Điểm khuyến khích do Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và công bố theo các tiêu chí thành tích phù hợp với đầu vào chương trình đào tạo. Điểm khuyến khích dành cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế; mức điểm khuyến khích từ 0 - 1,50 điểm theo thang điểm 30.

5.3. Tiêu chí phân bổ ngành, chương trình đào tạo

Việc phân bổ số lượng tuyển sinh cho các ngành và chương trình đào tạo được thực hiện trên cơ sở bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường, nhu cầu nhân lực của xã hội và năng lực đào tạo của các đơn vị. Các tiêu chí chủ yếu bao gồm: quy mô và cơ cấu đội ngũ giảng viên; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo; khả năng đáp ứng yêu cầu thực hành, thực tập; kết quả tuyển sinh các năm trước; nhu cầu người học và nhu cầu của thị trường lao động. Đồng thời, việc phân bổ số lượng tuyển sinh phải tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực và nâng cao chất lượng đào tạo.

5.4. Các thông tin khác

- Ngành Hộ sinh: Chỉ tuyển Nữ.

- Tổ hợp xét tuyển

- + Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học;
- + Tổ hợp B00: Toán, Hóa học, Sinh học;
- + Tổ hợp B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh;
- + Tổ hợp D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;
- + Tổ hợp D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh.

Đối với ngành đào tạo sử dụng tổ hợp xét tuyển có môn tiếng Anh, thí sinh bắt buộc phải thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh. Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh không quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ để miễn thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển.

Chứng chỉ ngoại ngữ hoặc chứng chỉ quốc tế chỉ được sử dụng cho điểm khuyến khích.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Đăng ký nguyện vọng xét tuyển

Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Hệ thống) hoặc trên Cổng dịch vụ công

quốc gia theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ **ngày 02/7 đến 17 giờ 00 ngày 14/7/2026**.

Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau; nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (số 1 thể hiện nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất). Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

6.2. Phương thức và nguyên tắc xét tuyển

6.2.1. Phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Điều kiện xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THPT và có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển A00/B00/B08/D01/D07 phải bằng hoặc trên mức điểm tối thiểu ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

6.2.2. Nguyên tắc xét tuyển

- **Điểm xét tuyển**: là tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số) cộng với điểm ưu tiên và điểm khuyến khích (nếu có).

$$\text{Điểm xét tuyển} = \text{Tổng điểm 3 môn (a)} + \text{Điểm ưu tiên (b)} + \text{Điểm khuyến khích (c)}$$

(a) Tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số);

(b) Điểm ưu tiên

Điểm ưu tiên là mức điểm thí sinh được hưởng theo khu vực, đối tượng ưu tiên.

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định}$$

Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (trung học nghề) và một năm kế tiếp.

Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

Các mức điểm ưu tiên tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số).

(c) Điểm khuyến khích

Điểm khuyến khích dành cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế; mức điểm khuyến khích từ 0 - 1,50 điểm theo thang điểm 30.

Điểm khuyến khích chỉ được tính khi thí sinh đã nộp bản sao chứng thực chứng chỉ ngoại ngữ (IELTS/TOEFL iBT), kết quả SAT theo quy định và đạt yêu cầu về ngưỡng được cộng điểm. Thông tin trên các minh chứng chứng phải **hoàn toàn trùng khớp** các thông tin liên quan đến thí sinh. Nhà trường không giải quyết các trường hợp không trùng khớp thông tin.

Ngoài việc nộp chứng chỉ ngoại ngữ (IELTS/TOEFL iBT), kết quả SAT trên Hệ thống theo quy định và kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh **bắt buộc** phải nộp bản sao chứng thực các minh chứng này tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hình thức nộp:

+ Chứng chỉ ngoại ngữ IELTS/TOEFL iBT: thí sinh nộp **trực tiếp** hoặc **chuyển phát nhanh** (ưu tiên qua đường bưu điện);

+ Kết quả SAT: thí sinh nộp **trực tiếp** tại phòng Đào tạo đại học. Trong ngày nộp hồ sơ, thí sinh cung cấp thông tin đăng nhập vào tài khoản trên College board để nhà trường kiểm tra.

- Địa điểm nộp: Phòng Đào tạo đại học - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, số 217 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh

- Thời gian: từ **ngày 15/6/2026** đến **trước 17g00 ngày 26/6/2026** (trừ Thứ Bảy và Chủ Nhật).

Thí sinh phải gửi sớm và đảm bảo Trường nhận được **trước 17g00 ngày 26/6/2026**. Trường sẽ không giải quyết đối với hồ sơ đến sau 17g00 ngày 26/6/2026.

- Thời hạn chứng chỉ ngoại ngữ, kết quả SAT: từ **ngày 15/6/2024** đến **ngày 26/6/2026**.

- Đơn vị cấp chứng chỉ IELTS:

+ British Council (BC);

+ International Development Program (IDP).

- Đơn vị cấp chứng chỉ TOEFL iBT: Educational Testing Service (ETS).

- Ngưỡng được điểm khuyến khích:

+ Thí sinh có chứng chỉ IELTS Academic đạt từ 6.0 trở lên hoặc TOEFL iBT đạt từ 80 điểm trở lên;

+ Thí sinh có kết quả SAT đạt từ 1340 điểm trở lên. Thí sinh chỉ chọn 1 kết quả điểm trong số các kỳ thi còn giá trị sử dụng.

Nhà trường sẽ kiểm tra **bản gốc** chứng chỉ ngoại ngữ khi thí sinh nhập học; trường hợp thí sinh không đáp ứng điều kiện theo quy định sẽ bị loại khỏi danh sách trúng tuyển.

- Cách tính điểm khuyến khích:

- Chứng chỉ ngoại ngữ (chỉ chọn 1 trong 2: IELTS hoặc TOEFL iBT):

+ Điểm khuyến khích = $0,9 \times (\text{điểm IELTS} / 9)$, **hoặc**

+ Điểm khuyến khích = $0,9 \times (\text{điểm TOEFL iBT} / 120)$

- Kết quả SAT (Scholastic Aptitude Test)

+ Điểm khuyến khích = $0,9 \times (\text{điểm SAT} / 1600)$

Điểm khuyến khích = Điểm khuyến khích (chứng chỉ ngoại ngữ) + Điểm khuyến khích (kết quả SAT)

Trường hợp tổng điểm khuyến khích vượt quá 1,50 điểm thì được tính tối đa là 1,50 điểm.

- *Điểm trúng tuyển*: là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào chương trình đào tạo, phù hợp với số lượng tuyển sinh đã công bố) có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn (không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm. Việc làm tròn điểm được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn toán học đến hàng phần trăm, sau khi cộng đầy đủ điểm ưu tiên và điểm khuyến khích (nếu có).

- Hội đồng tuyển sinh lập danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển theo từng chương trình đào tạo, sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp. Danh sách trúng tuyển được xác định theo nguyên tắc lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng tuyển sinh.

Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm khuyến khích thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm khuyến khích bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn (số 1 thể hiện nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất).

7. Chính sách ưu tiên

7.1. *Ưu tiên xét tuyển*: Trường không áp dụng hình thức ưu tiên xét tuyển đối với các thí sinh.

7.2. *Xét tuyển thẳng*:

7.2.1. *Đối tượng xét tuyển thẳng*

a. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào học đại học một trong tất cả các ngành.

b. Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng:

Môn Toán:

- *Giải Nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế*: được xét tuyển thẳng vào học đại học ngành Y khoa.

- *Giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế*: được xét tuyển thẳng vào học đại học một trong các ngành Dược học, Công nghệ dược phẩm và Hóa dược.

Môn Sinh học:

- *Giải Nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế:* được xét tuyển thẳng vào học đại học ngành Y khoa.

- *Giải Nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế:* được xét tuyển thẳng vào học đại học ngành Răng - Hàm - Mặt;

- *Giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế:* được xét tuyển thẳng vào học đại học một trong các ngành Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hình răng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Tâm lý học, Dược học, Công nghệ dược phẩm và Hóa dược.

Môn Hóa học:

- *Giải Nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế:* được xét tuyển thẳng vào học đại học ngành Y khoa;

- *Giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế:* được xét tuyển thẳng vào học đại học một trong các ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, Hóa dược, Dược học, Công nghệ dược phẩm.

Môn Vật lý:

Giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế: được xét tuyển thẳng vào học đại học một trong các ngành Dược học, Công nghệ dược phẩm, Hóa dược.

7.2.2. *Số lượng tuyển sinh:* xem chi tiết tại mục 4.

7.2.3. *Phương án xét tuyển thẳng*

Nhà trường tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định. Trường hợp số lượng hồ sơ đăng ký vào từng chương trình đào tạo vượt quá số lượng tuyển sinh, việc xét chọn được thực hiện theo các tiêu chí ưu tiên, theo thứ tự từ cao xuống thấp:

- Đối tượng điểm a;

- Đối tượng điểm b; trường hợp nhiều thí sinh có cùng đối tượng, thứ tự xét ưu tiên đối với thí sinh:

+ Cấp độ giải: Giải quốc tế/quốc gia;

+ Thứ hạng: Nhất/Nhì/Ba;

+ Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng.

Nhà trường hoàn thành việc xét tuyển thẳng và thông báo kết quả cho thí sinh trước ngày **30/6/2026**.

Thí sinh đã trúng tuyển vào Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh theo kế hoạch xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo để lựa chọn chương trình đào tạo đã trúng tuyển thẳng tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác. Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.2.4. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng

Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển thẳng về Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh bằng hình thức **chuyển phát nhanh** (ưu tiên qua đường bưu điện) hoặc nộp **trực tiếp** tại Phòng Đào tạo đại học (số 217 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh) trước **17 giờ 00 ngày 20/6/2026**.

Hồ sơ xét tuyển thẳng gồm các giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng vào đại học hệ chính quy tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 (Phụ lục 1);

- Bản sao công chứng các chứng nhận đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia.

7.3. Dự bị đại học

7.3.1. Đối tượng dự bị đại học

- Là các học sinh dự bị đại học của Trường Dự bị đại học TP. Hồ Chí Minh và Trường Dự bị đại học dân tộc trung ương Nha Trang;

- Các học sinh này thuộc đối tượng và đủ điều kiện tuyển sinh quy định tại Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; đã hoàn thành chương trình dự bị đại học, được Trường Dự bị đại học phân bổ chỉ tiêu;

- Các học sinh dự bị đại học đáp ứng được điều kiện xét tuyển vào Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

+ Đối tượng xét tuyển là người dân tộc Kinh không vượt quá 5% tổng số chỉ tiêu;

+ Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy năm 2025 theo Thông báo số 2976/TB-ĐHYD ngày 22/7/2025 của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

7.3.2. Số lượng tuyển sinh: xem chi tiết tại mục 4.

7.3.3. Phương án xét dự bị đại học

Căn cứ chỉ tiêu đã được thống nhất và điều kiện xét tuyển, Trường Dự bị đại học phê duyệt danh sách học sinh hoàn thành chương trình dự bị đủ điều kiện chuyển tiếp và gửi hồ sơ về Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, Nhà trường tổ chức rà soát, xét duyệt hồ sơ và thông báo kết quả đối với các trường hợp trúng tuyển **trước ngày 30/6/2026**.

Học sinh dự bị đại học sau khi đã có kết quả trúng tuyển vào Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện việc nhập học theo quy định.

7.3.4. Hồ sơ học sinh do Trường Dự bị đại học bàn giao cho nhà trường, gồm các giấy tờ sau:

- Hồ sơ nhập học dự bị đại học của học sinh và minh chứng đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định;

- Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh hoàn thành dự bị đại học;
- Văn bản phê duyệt kết quả xét chuyển học sinh hoàn thành dự bị đại học vào Trường;
- Bản sao chứng thực Căn cước công dân;
- Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp THPT;
- Bản sao chứng thực Học bạ THPT;
- Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú.

Thời gian bàn giao hồ sơ: **trước ngày 20/6/2026**.

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

Thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng xét tuyển bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ **ngày 15/7 đến 17 giờ 00 ngày 21/7/2026**.

9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hoạt động tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của thí sinh trong các trường hợp rủi ro phát sinh từ phía nhà trường; tiếp nhận, giải quyết phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm liên quan đến công tác tuyển sinh.

10. Nội dung khác

Học phí dự kiến:

TT	Tên ngành	Học phí dự kiến
1	Y khoa	88.000.000 đồng/năm học
2	Y học dự phòng	55.000.000 đồng/năm học
3	Y học cổ truyền	55.000.000 đồng/năm học
4	Dược học	63.500.000 đồng/năm học
5	Hóa dược	52.500.000 đồng/năm học
6	Điều dưỡng	48.000.000 đồng/năm học
7	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	48.000.000 đồng/năm học
8	Hộ sinh	48.000.000 đồng/năm học
9	Dinh dưỡng	48.000.000 đồng/năm học
10	Răng - Hàm - Mặt	90.000.000 đồng/năm học
11	Kỹ thuật phục hình răng	50.000.000 đồng/năm học
12	Kỹ thuật xét nghiệm y học	48.000.000 đồng/năm học
13	Kỹ thuật hình ảnh y học	48.000.000 đồng/năm học
14	Kỹ thuật phục hồi chức năng	48.000.000 đồng/năm học
15	Y tế công cộng	46.000.000 đồng/năm học
16	Công tác xã hội	30.000.000 đồng/năm học
17	Công nghệ dược phẩm	53.500.000 đồng/năm học
18	Tâm lý học	30.000.000 đồng/năm học

Lộ trình dự kiến tăng học phí tối đa 10% cho từng năm.

11. Thông tin về tuyển sinh của 02 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	100	416	151	27.34/30	228	232	27.8/30	
2.	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	409		272		168	166	26.95/30	
3.	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	402	-	-		20	13	1500	
4.	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	301	04	01	-	04	01	-	
5.	7720110	Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	100	118	99	19.00/30	70	110	23.25/30	
6.	7720110	Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	409		06		48	03	21.8/30	
7.	7720110	Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	301	01	-	-	01	00	-	
8.	7720110	Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	500	01	-	-	01	01	-	
9.	7720115	Y học cổ truyền	7720115	Y học cổ truyền	100	206	169	21.50/30	123	192	24.8/30	
10.	7720115	Y học cổ truyền	7720115	Y học cổ truyền	409		51		84	14	23.05/30	
11.	7720115	Y học cổ truyền	7720115	Y học cổ truyền	301	02	-	-	02	00	-	
12.	7720115	Y học cổ truyền	7720115	Y học cổ truyền	500	02	-	-	01	00	-	
13.	7720201	Dược học	7720201	Dược học	100	553	393	22.85/30	329	372	25.72/30	
14.	7720201	Dược học	7720201	Dược học	409		174		224	171	23.75/30	
15.	7720201	Dược học	7720201	Dược học	301	06	-	-	06	00	-	
16.	7720201	Dược học	7720201	Dược học	500	01	01	-	01	00	-	
17.	7720203	Hóa dược	7720203	Hóa dược	100	59	48	23.65/30	35	45	25.23/30	
18.	7720203	Hóa dược	7720203	Hóa dược	409		15		24	16	23.25/30	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
19.	7720203	Hóa dược	7720203	Hóa dược	301	01	01	-	01	00	-	
20.	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	100	204	193	20.15/30	122	207	24.03/30	
21.	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	409		12		84	13	22.15/30	
22.	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	301	02	-	-	02	00	-	
23.	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	500	04	01	-	02	01	-	
24.	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	7720301	Điều dưỡng	100	117	112	21.10/30	69	112	24.5/30	
25.	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	7720301	Điều dưỡng	409		14		48	13	22.65/30	
26.	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	7720301	Điều dưỡng	301	01	-	-	01	00	-	
27.	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	7720301	Điều dưỡng	500	02	02	-	02	01	-	
28.	7720302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	100	117	121	18.00/30	69	121	22.8/30	
29.	7720302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	409		02		48	01	22.05/30	
30.	7720302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	301	01	-	-	01	00	-	
31.	7720302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	500	02	-	-	02	01	-	
32.	7720401	Dinh dưỡng	7720401	Dinh dưỡng	100	78	69	19.25/30	46	73	24.1/30	
33.	7720401	Dinh dưỡng	7720401	Dinh dưỡng	409		09		32	13	22.15/30	
34.	7720401	Dinh dưỡng	7720401	Dinh dưỡng	301	01	-	-	01	00	-	
35.	7720401	Dinh dưỡng	7720401	Dinh dưỡng	500	01	-	-	01	00	-	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	
36.	7720501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	100	125	47	26.45/30	69	73	27.35/30	
37.	7720501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	409		78		50	49	26.5/30	
38.	7720501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	402	-	-	-	06	04	1440	
39.	7720501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	301	01	01	-	01	00	-	
40.	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	100	38	25	21.50/30	21	34	24.8/30	
41.	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	409		05		16	09	22.8/30	
42.	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	301	01	-	-	01	00	-	
43.	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	500	01	-	-	02	00	-	
44.	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100	165	147	22.05/30	98	147	25.02/30	
45.	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	409		16		68	25	23.05/30	
46.	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	301	02	-	-	02	00	-	
47.	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	500	03	02	-	02	01	-	
48.	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	100	87	83	21.00/30	51	85	24.35/30	
49.	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	409		08		36	02	22.7/30	
50.	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	301	01	-	-	01	00	-	
51.	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	500	02	-	-	02	01	-	
52.	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	100	97	97	21.00/30	58	101	24.04/30	
53.	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	409		09		40	02	23.33/30	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
54.	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	301	01	-	-	01	00	-	
55.	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	500	02	-	-	01	01	-	
56.	7720701	Y tế công cộng	7720701	Y tế công cộng	100	88	70	17.00/30	52	76	21.45/30	
57.	7720701	Y tế công cộng	7720701	Y tế công cộng	409		04		36	04	20.1/30	
58.	7720701	Y tế công cộng	7720701	Y tế công cộng	301	01	-	-	01	00	-	
59.	7720701	Y tế công cộng	7720701	Y tế công cộng	500	01	-	-	01	00	-	
60.	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	100	59	46	17.25/30	-	-	-	
61.	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	409		02		-	-	-	
62.	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	301	01	-	-	-	-	-	
		Cộng				2.576	2.556		2.516	2.506		

Cán bộ tuyển sinh

Họ tên : Nguyễn Ngọc Khôi

Số điện thoại: 0903537782

Email : nnkhoi@ump.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG**(Đã ký)****Ngô Quốc Đạt**